

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212,213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55,81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Ngô Minh S**, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Số 72 K, phường M, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: K122/19 đường L, phường Đ, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Ngô Minh S và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào năm 2009 hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là: vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông Ngô Minh S và bà Nguyễn Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Ông Ngô Minh S và Bà Nguyễn Thị M khai nhận có 02 con chung là: Ngô Minh Q, sinh ngày 17/8/2010 và Ngô Minh A, sinh ngày 13/01/2013. Thuận tình ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận: giao cả 02 con chung cho ông Ngô Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 18 hàng tháng, kể từ tháng 11/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Ngô Minh S và Bà Nguyễn Thị M xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Minh S và Bà Nguyễn Thị M xác định không có nợ chung.

Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Ngô Minh S và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0002079 ngày 16/10/2023.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Minh S và bà Nguyễn Thị M. Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 02/11/2009 của UBND phường Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

*** Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Ngô Minh S và bà Nguyễn Thị M về việc nuôi con chung như sau:

Giao cả 02 con chung Ngô Minh Q, sinh ngày 17/8/2010 và Ngô Minh A, sinh ngày 13/01/2013 cho ông Ngô Minh S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 18 hàng tháng, kể từ tháng 11/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền laixcuar số tiền còn phải thi hanhfasn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về tài sản chung:** Ông Ngô Minh S và Bà Nguyễn Thị M xác định không có tài sản chung.

*** Về nợ chung:** Ông Ngô Minh S và Bà Nguyễn Thị M xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Ngô Minh S và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0002079 ngày 16/10/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND P. Đ, Q. Sơn Trà, TP ĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Mạnh